

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 67/2020/HSST

Ngày: 25/12/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương - Thư ký, TAND H.Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2020/TLST-HS ngày 02/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn N - SN 1989**

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 8, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn H (đã chết); và bà: Hoàng Thị S - SN 1956; Chưa vợ, con; Tiền án:

- Ngày 29/9/2017, bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ngày 23/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp án phí hình sự). Chưa được xóa án tích.

- Ngày 26/02/2019, bị TAND Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Ngày 23/11/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp án phí và tiền truy nộp để sung quỹ Nhà nước). Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không. Nhân thân:

- Ngày 22/12/2009, bị TAND Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 2013, bị UBND Quận Đống Đa, TP.Hà Nội áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy số 1, Hà Nội. (Ngày 17/5/2015 chấp hành xong. Là đối tượng nghiện ma túy.

- Ngày 06/10/2015, bị Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. N không có điều kiện thi hành. Ngày 06/10/2016 hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

-Ngày 24/12/2020, bị TAND TP.Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Tạm giam từ ngày 22/7/2020 tại Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

## **2. Viên Đình T - SN 1992**

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Viên Đình H - SN 1954; và bà: Viên Thị M - SN 1955; Chưa vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam từ ngày 16/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

*Bị hại:* Anh Mai Đình Đ - SN 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lâm Văn N - SN 1987.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Q, TP.S, tỉnh Thanh Hóa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đều là bạn nghiện ma túy nên khoảng 21 giờ ngày 09/7/2020, Viên Đình T đến nhà Trần Văn N chơi và uống nước. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/7/2020, N rủ T đi tìm nhà dân nào sơ hở để trộm cắp tài sản lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân, T đồng ý và lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream đã cũ, không biển kiểm soát dựng ở trước sân nhà N. T điều khiển xe mô tô chở N đi lòng vòng ở địa bàn xã Q tìm nhà dân nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến đoạn đường 4A thuộc thôn 1, xã Q, huyện Q, N nhìn thấy 01 nhà xưởng bằng tôn, cửa ra vào xưởng là hàng rào làm bằng lưới thép B40 (xưởng mua bán, sửa chữa ô tô của anh Mai Đình Đ) ở rìa đường 4A, trong xưởng có 03 người là Mai Đình Đ, Dương Đức T và Mai Đình B đang nằm ngủ trên sập gỗ kê ở giữa xưởng. N bảo T quay xe lại để vào nhà xưởng tìm tài sản trộm cắp. T đồng ý điều khiển xe quay lại và dừng xe cách khoảng 5m về hướng Bắc. Lúc này N nói với T: “Mi đứng ngoài đây để tau vào”. Nghe N nói thế, T đồng ý và đứng bên ngoài cạnh giới, N vào tìm tài sản trộm cắp. N đi bộ men theo bãi đất trống ở phía Bắc bên cạnh xưởng, đứng lại gần hàng rào sắt quan sát, qua ánh đèn điện sáng của xưởng N thấy 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro màu vàng đang để trên sập gỗ nơi Đ, T và B đang ngủ. N trèo qua hàng rào sắt vào bên trong đi lại lấy trộm chiếc điện thoại cầm trên tay rồi trèo qua hàng rào sắt ra ngoài. Lúc này nghe tiếng động, anh Đ, T và B tỉnh giấc phát hiện thấy N đang trèo từ trong xưởng ra nên hô hoán mọi người đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi lấy được điện thoại, N chạy lại chỗ T đang đứng đợi, leo lên xe và nói T chạy đi. T điều khiển xe chở N chạy về nhà N. Trên đường đi N dơ chiếc điện thoại mới trộm cắp được cho T xem. Khi về đến nhà, N và T lấy điện thoại ra kiểm tra thì phát hiện thấy chiếc điện thoại là loại Iphone 11 Pro màu vàng còn rất mới, có khóa mặt khóa màn hình nên T nói với N “Có định vị đây, cất đi”. Nói xong T lấy điện thoại tắt nguồn rồi đưa cho N cất giấu. Sau đó N nói với T đi về nhà, sáng hãy mang điện thoại đi bán. T đồng ý đi bộ về nhà ngủ.

Đến khoảng 7h sáng cùng ngày T đi bộ đến nhà N, rủ N đem điện thoại trộm

cấp được đi bán. N đồng ý điều khiển xe mô tô Dream chở T đi tìm chỗ để bán điện thoại. Khi đi đến xã Q, TP.S nhìn thấy cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại của anh Lâm Văn N, T và N dừng xe đi vào cửa hàng. Khi vào cửa hàng, T cầm điện thoại và hỏi anh N (chủ cửa hàng): “Anh có mua điện thoại Iphone 11 Pro không”, Anh N2 nói: “Có, chú đưa anh kiểm tra máy”. Lúc này T nói với anh N2: “Máy của em bị mất tài khoản Icloud anh có mua không”, anh N2 trả lời: “Máy bị mất tài khoản Icloud anh mua được hai triệu thôi”. N1 và T đồng ý bán chiếc điện thoại trên với giá 2.000.000đ. Số tiền bán điện thoại N1 và T chia đôi và tiêu sài cá nhân hết.

Theo báo cáo của anh Mai Đình Đ: Chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro màu vàng anh bị mất trộm có giá trị là 28.000.000đ.

Ngày 21/7/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quảng Xương đã định giá và kết luận: Chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro màu vàng tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 28.000.000đ.

Ngày 14/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro cho anh Đ, anh Đ đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô Dream là phương tiện N và T sử dụng đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của chị Phạm Thị P, xe không có giấy tờ, không có biển kiểm soát. Sau khi trộm cắp tài sản N trả lại chiếc xe trên cho chị P, đến ngày 11/7/2020 khi đang đi bán hàng rong tại TP.S có 01 nam thanh niên không quen biết hỏi mua lại chiếc xe, chị P đã bán chiếc xe trên cho người thanh niên với giá 700.000đ. Do không xác định được người thanh niên đã mua xe mô tô của chị P tên, tuổi, địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với anh Lâm Văn N là người mua chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro của Trần Văn N, Viên Đình T với giá 2.000.000đ. Khi cơ quan điều tra thông báo chiếc điện thoại trên là tang vật của vụ án, anh N2 đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra. Quá trình điều tra xác định khi bán điện thoại cho anh N, T và N không nói cho anh Lâm Văn N biết về nguồn gốc tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý anh Lâm Văn N về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với số tiền 2.000.000đ anh N2 đã mua điện thoại của bị cáo T và bị cáo N1, anh N2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền trên.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn N, Viên Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS-QX ngày 30/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Viên Đình T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLH đối

với Trần Văn N.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Viên Đình T.

Đề nghị xử phạt:

-Trần Văn N từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/7/2020.

-Viên Đình T từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/9/2020.

Về bồi thường dân sự: Anh Mai Đình Đ đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu giải quyết về phần dân sự, đề nghị HĐXX không xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn N không yêu cầu các bị cáo N, T phải bồi thường lại số tiền 2.000.000đ, đề nghị HĐXX không xét. Về án phí: Buộc các bị cáo N, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Khoảng 00 giờ 30” ngày 10/7/2020, tại xưởng mua, bán, sửa chữa ô tô của anh Mai Đình Đ ở thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Trần Văn N, Viên Đình T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro màu vàng của anh Mai Đình Đ có trị giá 28.000.000đ.

[3] Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trần Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS, bị cáo Viên Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hành vi trộm cắp của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của anh Đ một cách trái pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo không chịu khó lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Các bị cáo trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cho cá nhân; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, tuy có nhiều bị cáo tham gia thực hiện phạm tội, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

- Đối với bị cáo Trần Văn N là người rủ rê bị cáo T đi trộm cắp tài sản, trực tiếp vào lấy điện thoại, đồng thời là người cùng với T đi bán điện thoại đã trộm cắp được nên N phải giữ vai trò thứ nhất trong vụ án là phù hợp.

- Đối với bị cáo T, sau khi được N rủ rê đi trộm cắp tài sản đã đồng ý ngay và điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát chở N đi tìm gia đình nào sơ hở để trộm cắp; là người canh gác cho N vào lấy trộm tài sản; đồng thời là người cùng đi bán điện thoại trộm cắp được của anh Đ; vì vậy bị cáo T phải giữ vai trò thứ hai sau N là phù hợp.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

- *Về tình tiết tăng nặng:*

+ Đối với bị cáo N đã tái phạm chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý. Căn cứ khoản 2 Điều 52 BLHS thì các tình tiết đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Do vậy bị cáo N không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân không tốt ngày 22/12/2009, bị TAND Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, Năm 2013 bị UBND Quận Đống Đa, TP.Hà Nội áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy số 1, Hà Nội, Ngày 06/10/2015 bị Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 24/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Đối với bị cáo T, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự,

- *Tình tiết giảm nhẹ:*

Đối với các bị cáo N, T đều thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét thấy, cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Về bồi thường dân sự:* Người bị hại anh Đ đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về phần dân sự nên HĐXX không xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền 2.000.000đ nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều

58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Trần Văn N.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Viên Đình T.

**Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Văn N, Viên Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt:** Trần Văn N 42 (Bốn hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/7/2020.

**Xử phạt:** Viên Đình T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/9/2020.

- **Bồi thường dân sự:** Bị hại anh Đ đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu giải quyết về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền 2.000.000đ nên HĐXX không xét.

- **Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14.

Buộc các bị cáo N, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành anshoawcj bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSNDH.Quảng Xương;
- Các bị cáo;
- Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS H.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Lý**